FireAnt

CTCP Long Hậu (HSX: LHG)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	34,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	42,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,710
SL cổ phiếu LH	50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)	86,030
% sở hữu nước ngoài	12.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,730
P/E	6.6
EPS	5,248

	YTD	1T	3T	6T
LHG	-2.9%	-6.4%	-5.2%	-5.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

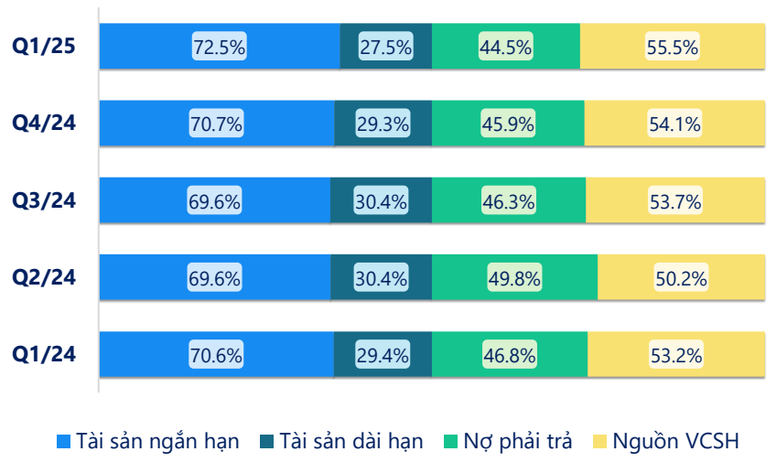

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

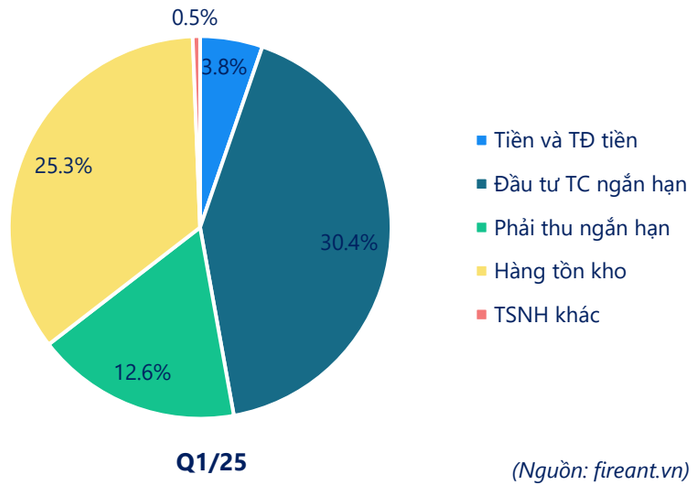

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

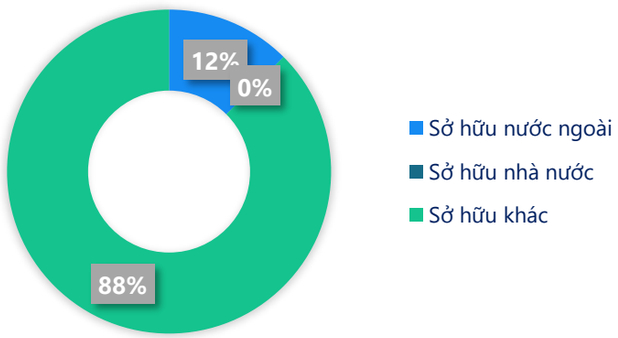

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

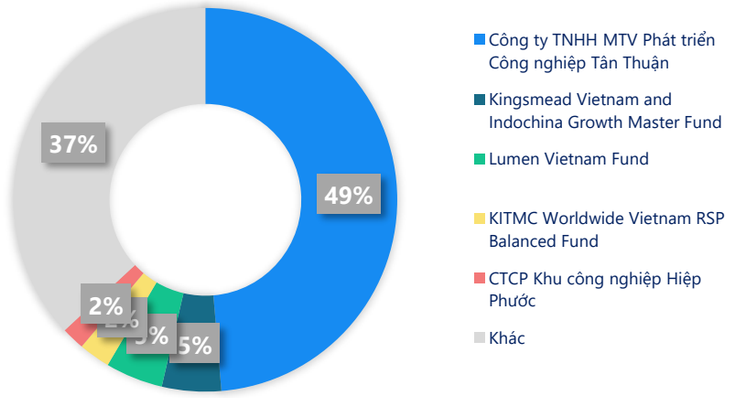

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

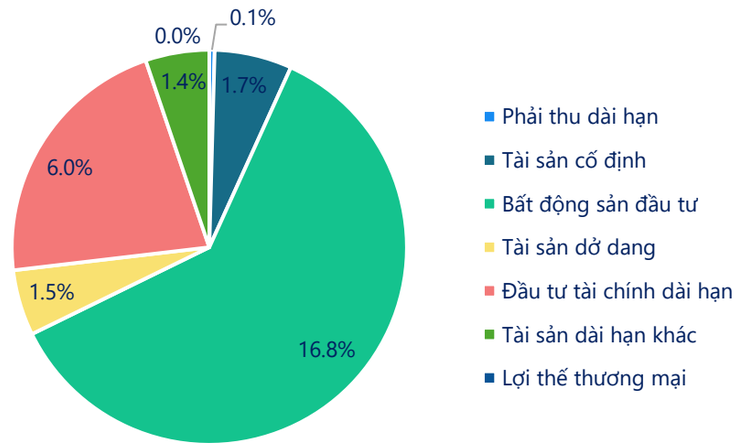

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Long Hậu (HSX: LHG)

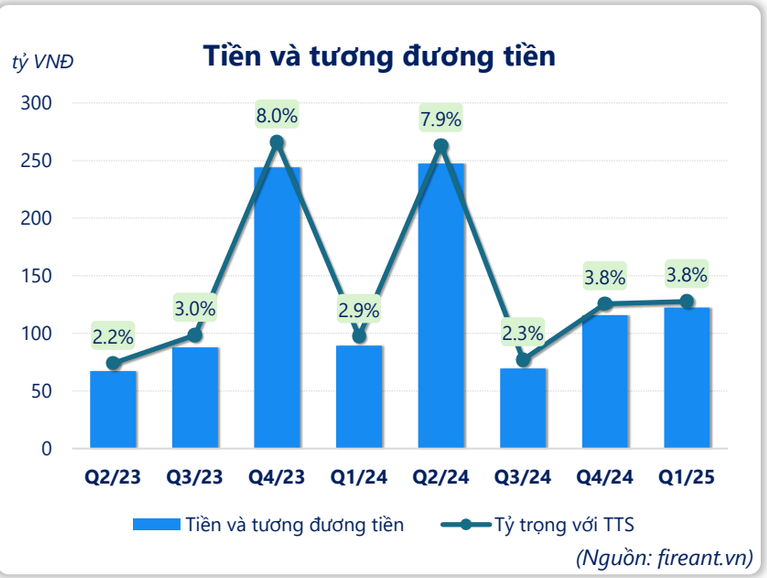

(Nguồn: fireant.vn)

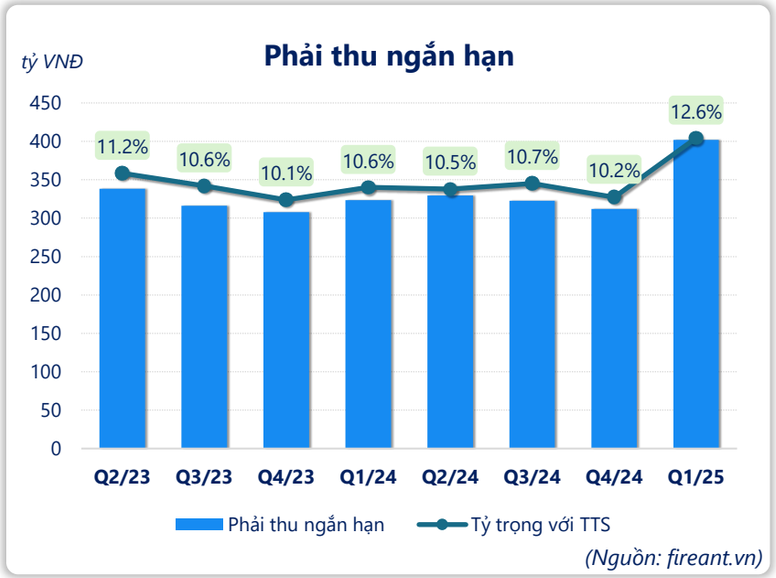

(Nguồn: fireant.vn)

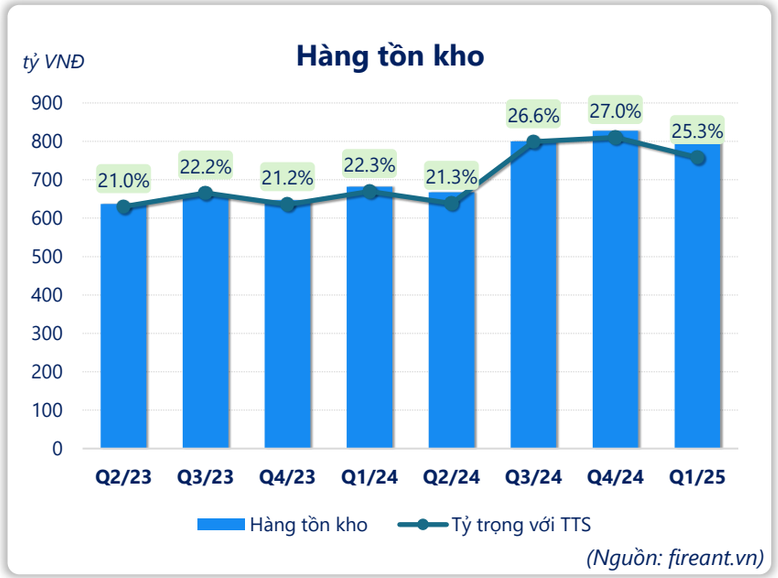

(Nguồn: fireant.vn)

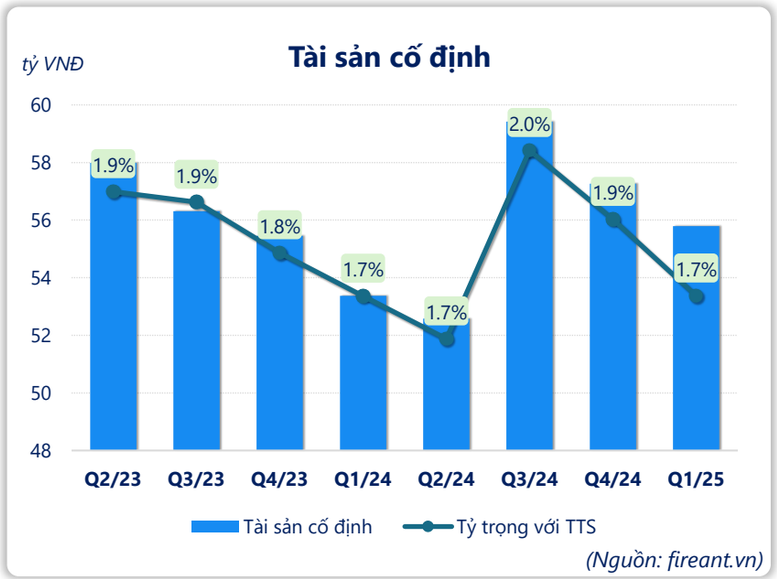

(Nguồn: fireant.vn)

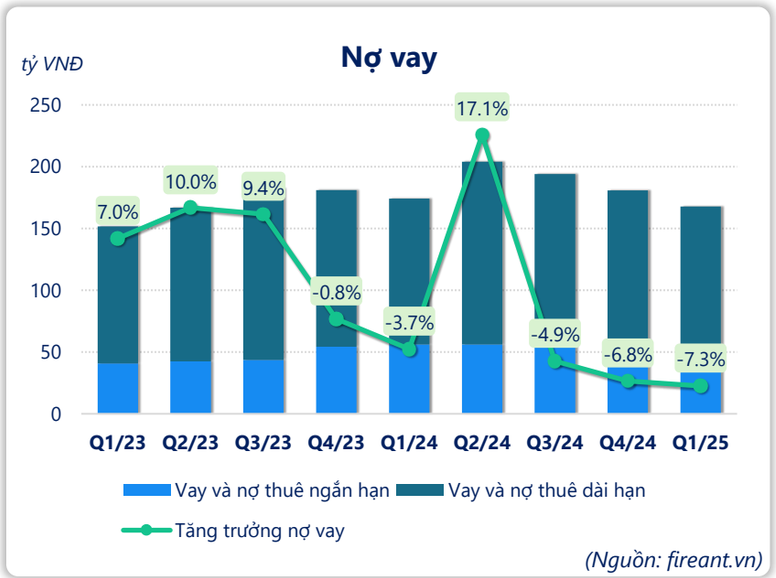

(Nguồn: fireant.vn)

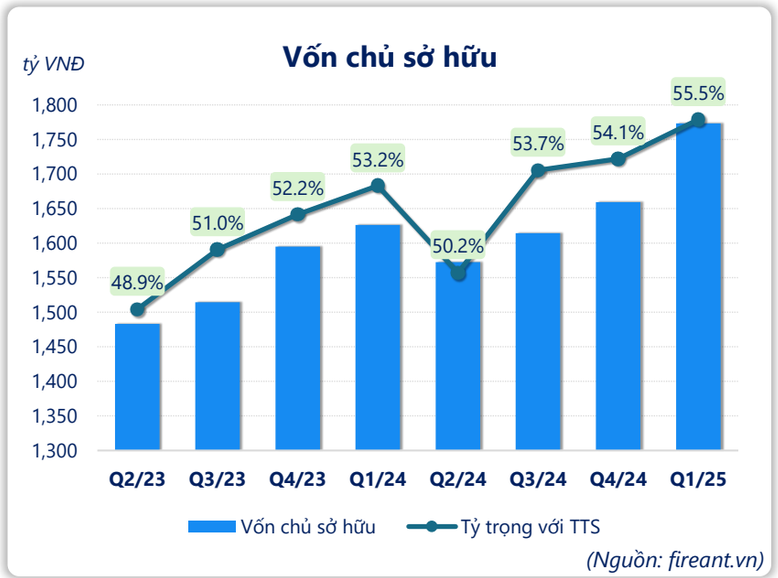

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Long Hậu (HSX: LHG)

Kết quả kinh doanh

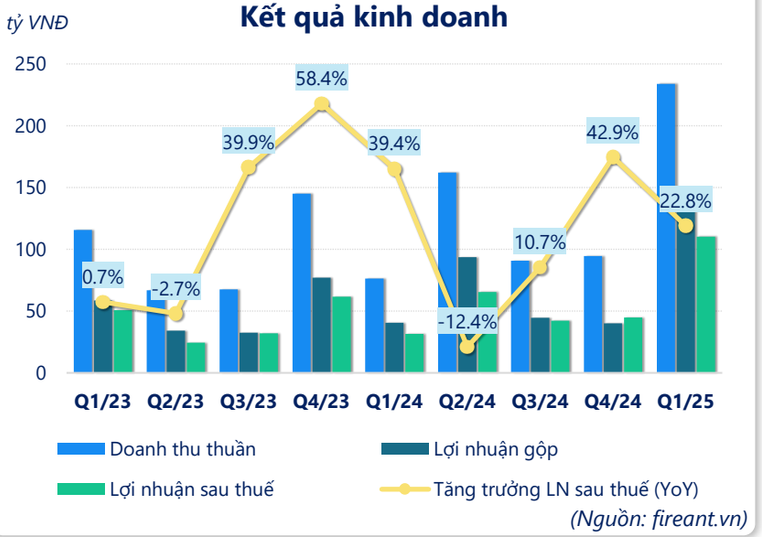

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

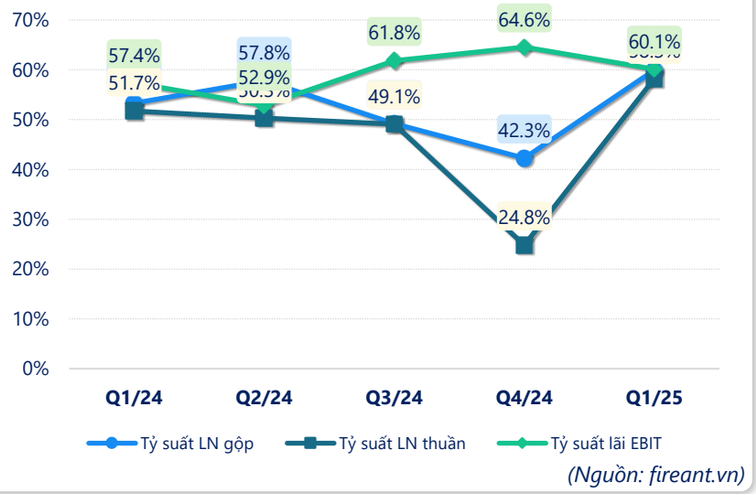

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

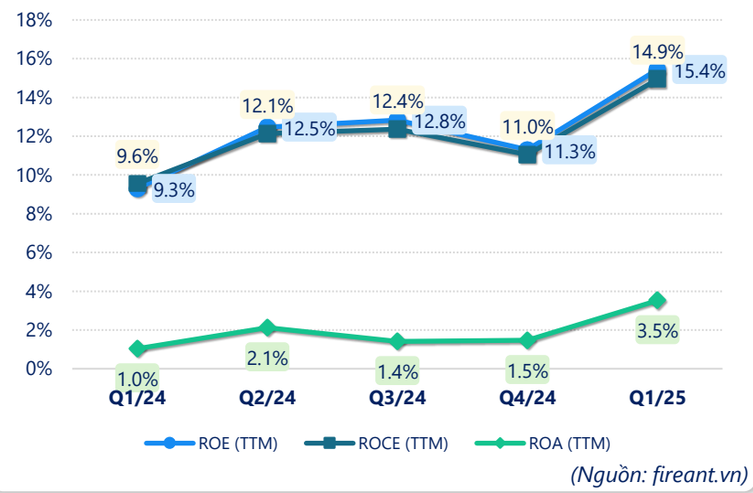

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

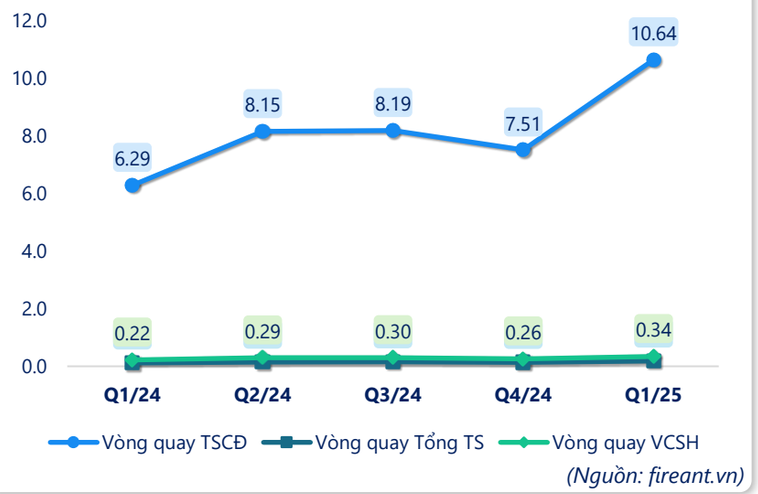

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

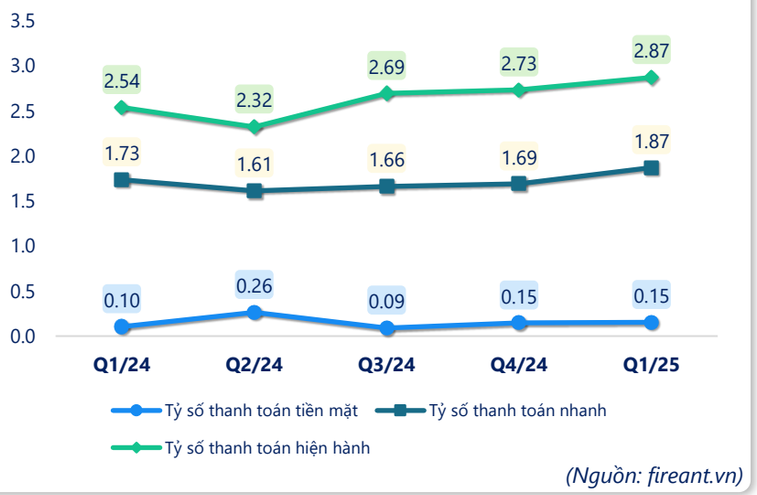

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

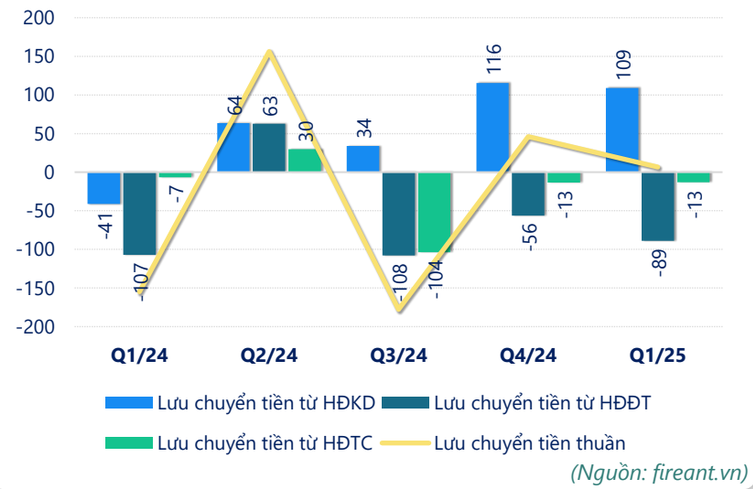

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Long Hậu (HSX: LHG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,195**	**3,070**	**4.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,316	2,172	6.6%
Tiền và tương đương tiền	122	116	5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	970	900	7.8%
Phải thu ngắn hạn	402	316	27.2%
Hàng tồn kho	807	828	-2.5%
Tài sản ngắn hạn khác	14.4	13.5	6.5%
Tài sản dài hạn	**880**	**898**	**-2.0%**
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	55.8	57.9	-3.7%
Bất động sản đầu tư	536	551	-2.6%
Tài sản dở dang	47.3	46.3	2.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	190	192	-1.0%
Tài sản dài hạn khác	**45.9**	**46.6**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,422	1,407	1.1%
Nợ ngắn hạn	**807**	**795**	**1.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	55.8	54.9	1.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	25.5	31.2	-18.2%
Nợ dài hạn	615	612	0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	112	126	-11.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,773**	**1,663**	**6.6%**
Vốn chủ sở hữu	**1,773**	**1,663**	**6.6%**
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	76.2	162	90.7	94.6	234
Giá vốn hàng bán	35.6	68.3	46.1	54.6	93.6
Lợi nhuận gộp	40.6	93.7	44.6	40.0	140
Doanh thu HĐTC	16.7	11.0	23.8	6.09	15.6
Chi phí TC	3.70	6.58	8.77	4.84	5.14
Chi phí lãi vay	3.70	3.56	3.10	3.48	3.20
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.95	2.16	0.77	1.57	1.60
Chi phí QLDN	13.3	14.4	14.3	16.2	12.8
LN thuần từ HĐKD	39.5	81.5	44.5	23.5	136
Lợi nhuận khác	0.58	0.56	8.44	34.1	1.08
LN trước thuế	40.0	82.1	53.0	57.6	137
Lợi nhuận sau thuế	31.5	65.4	42.1	44.8	110
LNST của CĐ cty mẹ	31.5	65.4	42.1	44.8	110

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-41.0	63.6	33.9	116	109
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-107	62.8	-108	-56.2	-88.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.71	29.8	-104	-13.4	-13.2
Tiền đầu kỳ	244	89.3	247	69.6	116
Lưu chuyển tiền thuần	**-155**	**156**	**-178**	**46.0**	**6.65**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	1.83	0	0.13	0
Tiền cuối kỳ	89.3	247	69.6	116	122

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic